

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HS-ST
Ngày 16 - 10 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Quốc Việt

Ông Thao Văn Dính

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2019. Đối với các bị cáo:

1. Hà Văn L, sinh ngày 13 tháng 8 năm 1994, tại xã Sơn Th, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Bản Thủy S, xã Sơn Th, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn T và bà Vi Thị H; Có vợ là Hà Thị Hải Y và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam ngày 23/4/2019 cho đến nay; Có mặt.

2. Lương Quốc Đ, sinh ngày 06 tháng 10 năm 1991, tại xã Sơn Th, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Bản Xuân Th, xã Sơn Th, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Văn T và bà Hà Thị M; Có vợ là Lương Thị Ch và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/6/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn xử phạt 04 (Bốn) năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 25/3/2017; Bị giữ, tạm giam ngày 26/4/2019 cho đến nay; Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vi Văn S, sinh năm 1990; Trú tại: Bản Ng, xã Sơn Đ, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ chiều, ngày 22/4/2019 Hà Văn L lấy xe máy của mình đi từ nhà tại bản Thủy S, xã Sơn Th, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa lên nhà Lương Quốc Đ, trú tại: Bản Xuân Th, xã Sơn Th, huyện Quan Sơn, Tỉnh Thanh Hóa và rủ Đ đi mua ma túy về sử dụng. Đ nói với L là không có tiền. L nói với Đ là đi mượn xe máy để cùng đi với mình và sang xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa sẽ cầm xe máy của L để lấy tiền mua ma túy. Đ đồng ý và đi mượn xe máy của anh Vi Văn S, trú tại bản Ng, xã Sơn Đ, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. L đi xe của mình còn Đ đi xe mượn của anh S. L và Đ đi sang đến bản Poọng 1, xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa thì gặp anh Vi Văn Kh, trú tại Bản Poọng 2, xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa là người quen nên L đã nhờ anh Kh dẫn đi cầm cổ xe máy để lấy tiền. Anh Kh dẫn L và Đ đến quán sửa xe của anh Đỗ Đình V, trú tại: Bản Poọng 1, xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa để cầm xe máy. Do anh Kh và anh V quen biết nhau nên anh V đã đồng ý và đưa cho L số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) rồi giữ xe máy của L để làm tin, còn xe Đ mượn của anh S thì cả hai sử dụng làm phương tiện đi lại. L và Đ điều khiển xe máy lên hướng huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa rồi đi sang nước CHDCND Lào. Hà Văn L và Lương Quốc Đ đã vào nhà của một người đàn ông không biết rõ về tên tuổi, địa chỉ của người này để mua ma túy. Lưu mua 01 (một) viên ma túy tổng hợp với giá 20.000 đồng (hai mươi nghìn) và được người đàn ông này cho thêm 01 (một) viên. L và Đ sử dụng hết mỗi người một viên ma túy. Sau đó, L bảo Đ ra xe chờ còn L ở lại và mua của người đàn ông đó 190 (Một trăm chín mươi) viên ma túy tổng hợp với giá 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn). Mua xong, L cầm gói ma túy ra nơi Đ đang đứng đợi và mở cho Đ xem. Do trời tối nên Đ bật lửa ga tạo ánh sáng để xem. Xem xong, L dùng băng dính quấn xung quanh gói ma túy đó lại rồi cả hai cùng thống nhất cất giấu số ma túy đó vào cốp nhựa phía trên hộp xích xe máy. Sau khi cất giấu ma túy xong, cả hai cùng đi xe về nhà Đ. Về đến bản Xuân Th, xã Sơn Th, huyện Quan Sơn, L lấy gói ma túy từ cốp nhựa của xe máy ra rồi cất giấu vào trong trần bếp của gia đình ông Lương Văn T (bố đẻ của Đ). Cất giấu ma túy xong, L và Đ cùng đi sang nhà Đ cách nhà bố mẹ Đ khoảng 50m. Thấy L và Đ về, anh S nói chuyện với Đ một lúc nhưng Đạt không nói chuyện liên quan đến việc mua, sử dụng và cất giấu ma túy của L và Đ. Do đã muộn, anh S lấy xe máy đi về nhà, còn L và Đ nói chuyện đến khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 23/4/2019 L đi sang nhà ông T lấy gói ma túy đã cất giấu trước đó bỏ vào túi quần bên phải đang mặc rồi bắt xe khách Sơn Th để về nhà. Trong lúc đang ngồi trên xe khách, L bị Tổ công tác Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo - Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa phát hiện, bắt quả tang và lập biên bản thu giữ, niêm phong toàn bộ số ma túy của Hà Văn L.

Ngày 23/4/2019 Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo - Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định trưng cầu giám định về ma túy đối với 190 (Một trăm chín mươi) viên nén có màu hồng và màu xanh trên bề mặt có in chữ “WY” đã thu giữ của Hà Văn L.

Tại Kết luận giám định số: 1076/PC09 ngày 25/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: 188 (Một tám tám) viên nén màu hồng trên bề mặt các viên nén ký hiệu “WY” của phong bì niêm phong gửi giám định là

ma túy, có tổng khối lượng 18,044 gam (một tám phẩy không bốn bốn gam) loại: Methamphetamine; 02 viên nén màu xanh trên bề mặt có ký hiệu “WY” của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,195 gam (không phẩy một chín năm gam) loại: Methamphetamine.

Do vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo nên ngày 25/4/2019, Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo - Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa đã có Văn bản đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn ra Quyết định chuyển vụ án cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Sơn để điều tra theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện Quan Sơn, Hà Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã thực hiện cùng với Lương Quốc Đ.

Ngày 26/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Sơn ra Lệnh Bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Lương Quốc Đ về hành vi đồng phạm với Hà Văn L để xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, Hà Văn L và Lương Quốc Đ khai nhận Lưu đã mua ma túy tại nhà một người đàn ông thuộc nước CHDCND Lào nhưng L và Đ không biết rõ tên tuổi, địa chỉ của người đó. Do vậy, không có cơ sở để xử lý đối với người này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Sơn đã tách ra để xử lý bằng một vụ án khác khi có đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Đối với Vi Văn S, là người cho Lương Quốc Đ mượn xe máy, do Đ nói với anh S là mượn xe đi việc một tý nên anh S không biết việc Đ đã dùng xe để đi mua ma túy về tàng trữ, sử dụng. Giữa Đ và S không có sự thông đồng, cấu kết, không liên quan đến hành vi phạm tội của Đ và L, do vậy không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Vi Văn S.

Đối với Lộc Văn Kh, Đỗ Đình V vì có mối quan hệ quen biết nên anh Kh và anh V mới giúp L và Đ cầm cố chiếc xe của L. Anh Kh, anh V không biết mục đích của L và Đ cầm xe để lấy tiền sử dụng vào mục đích phạm tội. Xét thấy hành vi của anh Kh và anh V là ngay tình, không có sự thỏa thuận, bàn bạc liên quan đến tội phạm của L và Đ, do vậy không xem xét trách nhiệm hình sự đối Lộc Văn Kh, Đỗ Đình V.

Đối với ông Lương Văn T (Bố đẻ của Lương Quốc Đ), việc Hà Văn L tự ý cất giấu ma túy tại khu vực bếp của gia đình ông T, gia đình ông không biết sự việc này. Do vậy, không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Lương Văn T.

Đối với chiếc xe máy mà Lương Quốc Đ và Hà Văn L sử dụng là phương tiện để đi mua và cất giấu ma túy, sau khi về nhà Lương Quốc Đ đã trả lại cho anh Vi Văn S. Chiếc xe máy này anh S mượn của gia đình Phạm Văn Đ ở Bản Na Ngh, xã Sơn Đ, huyện Quan Sơn để đi công việc cá nhân. Anh S đã trả lại xe cho anh Đ. Do anh Đ không biết xe máy của mình bị L và Đ đã sử dụng vào mục đích phạm tội nên không xem xét xử lý đối với chiếc xe máy của anh Đ.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Hà Văn L và Lương Quốc Đ khai nhận hành vi của các bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố.

Đại diện VKSND huyện Quan Sơn vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố đối với Hà Văn L và Lương Quốc Đ theo cáo trạng số 05/CT-VKSQS ngày 06/8/2019 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Về hình phạt chính: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 BLHS; Đề nghị xử phạt bị cáo Hà Văn L mức hình phạt từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/4/2019.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 BLHS; Đề nghị xử phạt bị cáo Lương Quốc Đ mức hình phạt từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/4/2019.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 249 BLHS do các bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, thu nhập thấp, sinh sống trong vùng kinh tế khó khăn.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy đối với: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định có tổng trọng lượng là 17.189 gam (một bảy phẩy một tám chín) là vật chứng của vụ án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không

5. Về Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật TTHS 2015; Các Điều: 3, 21, 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Hà Văn L, Lương Quốc Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo nhận tội và xin được hưởng khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo Hà Văn L và Lương Quốc Đ tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ của vụ án; Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Ngày 22/4/2019, Hà Văn L và Lương Quốc Đ đã cùng nhau đi xe máy do Đ mượn của anh Vi Văn S chạy theo hướng huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa sang

nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào. Tại đây, Đạt và Lưu đã vào nhà một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ và mua của người đàn ông này số lượng 190 (một trăm chín mươi) viên ma túy tổng hợp, với số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn). Rạng sáng ngày 23/4/2019, Đạt và Lưu về đến nhà của ông Lương Văn T (Bố đẻ Đ) ở bản Xuân Th, xã Sơn Th, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. L lấy gói ma túy trong cốp nhựa xe máy ra rồi cất vào trong bếp của gia đình ông T. Đến khoảng 6 giờ 30 phút cùng ngày, L lấy số ma túy đó bỏ vào túi quần bên phải đang mặc rồi bắt xe khách Sơn Th để đi về nhà. Đến khoảng 07 giờ 05 phút, ngày 23/4/2019 Hà Văn L bị Tổ công tác Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo - Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số ma túy của L. Tổng số 190 viên ma túy (trong đó có 188 viên màu hồng và 02 viên màu xanh, trên bề mặt có ký hiệu chữ “WY”) đã thu giữ của Hà Văn L là loại Methamphetamine, có tổng khối lượng là 18,239 gam (Một tám phẩy hai ba chín gam).

Hành vi của các bị cáo đã phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của BLHS như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây hủy hoại cho sức khỏe, làm mất khả năng lao động, làm thần kinh bị tổn thương, gây rối loạn hành vi, thoái hóa nhân cách, gây tác hại lâu dài cho giống nòi, gây tổn thương về tình cảm, sức khỏe, tiền bạc của bản thân và các thành viên khác trong gia đình. Hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, làm mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân và cũng là nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn xã hội và là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm. Các bị cáo đã có vợ, con nhưng không chăm lo, xây dựng cuộc sống gia đình mà có lối sống sa đả, buông thả nên dẫn đến con đường nghiện ngập ma túy.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS):

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đó là: “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Hà Văn L là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Đối với bị cáo Lương Quốc Đ, không có tiền án, tiền sự. Nhưng về nhân thân, năm 2014 đã bị Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 04 (Bốn) năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 25/3/2017. Tuy đã được xóa án nhưng không coi đó là bài học cho bản thân, không biết tự sửa chữa lỗi lầm mà vẫn coi thường pháp luật, vẫn tiếp tục sa vào con đường phạm tội.

[6] Xét mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Bị cáo Hà Văn L đã chủ động rủ Lương Quốc Đ và nói Đ đi mượn xe máy để đi cùng, L cũng chủ động cầm xe máy của mình để lấy tiền; trực tiếp vào mua và cất giấu ma túy, nên Hà Văn L giữ

vai trò tích cực trong việc thực hiện tội phạm. Bị cáo Lương Quốc Đ là đồng phạm giữ vai trò giúp sức cho Hà Văn L trong việc tạo điều kiện về phương tiện, cất giấu ma túy và là người có nhân thân xấu.

[7] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Cần lên cho các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo và cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. HĐXX cũng xem xét và lượng giảm một phần hình phạt để các bị cáo yên tâm cải tạo tốt và sớm trở về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Hà Văn L và Lương Quốc Đ, vì bị cáo là các đối tượng nghiện ma túy lại không có công ăn việc làm ổn định, sống ở vùng kinh tế khó khăn.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong vụ án không phát sinh yêu cầu, tranh chấp về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy đối với: Toàn toàn bộ gói mở niêm phong và 17,093 gam (Một bảy phẩy không chín ba) các viên nén màu hồng trên bề mặt các viên có ký hiệu “WY”; 0,096 gam (Không phẩy không chín sáu) các viên nén có ký hiệu “WY” là mẫu vật còn lại sau giám định. Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Nguyễn Viết Long, Lê Minh Tiến và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

[10] Về án phí: Các bị cáo Hà Văn L và Lương Quốc Đ phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 47; Điều 17; Điều 58 BLHS.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 BLTTHS.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố các bị cáo Hà Văn L và Lương Quốc Đ phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” .

Xử phạt: Bị cáo Hà Văn L 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (23/4/2019).

Bị cáo Lương Quốc Đ 07 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính

từ ngày tạm giữ, tạm giam (26/4/2019).

2. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy đối với toàn toàn bộ gói mở niêm phong và 17,093 gam (Một bảy phẩy không chín ba) các viên nén màu hồng trên bề mặt các viên có ký hiệu “WY”; 0,096 gam (Không phẩy không chín sáu) các viên nén có ký hiệu “WY” là mẫu vật còn lại sau giám định. Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Nguyễn Viết Long, Lê Minh Tiến và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/8/2019.

3. Án phí: Các bị cáo Hà Văn L và Lương Quốc Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan Sơn;
- Công an huyện Quan Sơn (02);
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Minh Tuấn

